

SỰ GHI NHẬN QUYỀN TỰ CHỦ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015

ThS. Nguyễn Thị Kim Dung^()*

Chính quyền địa phương là một bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước. Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương được thông qua ngày 19/6/2015 (có hiệu lực từ 01/01/2016) (sau đây gọi tắt là Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015), chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; được tổ chức tại các đơn vị hành chính của nước ta. Điều 2 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: “Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có: 1. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); 2. Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện); 3. Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); 4. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.”. Như vậy chính quyền địa phương ở nước ta gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Chính quyền địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn nhất định, thực hiện hoạt động của Nhà nước ở địa phương. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương theo hình thức phân quyền, phân cấp. Việc phân định thẩm quyền được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc:

a) Bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia;

b) Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ, phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa chính quyền địa phương các cấp đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ;...

(Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)

^(*) Phó trưởng Khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Đặc biệt, pháp luật nước ta ngày càng có nhiều quy định trao quyền tự chủ cho chính quyền địa phương; quyền tự quyết định, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Điều này không chỉ tạo điều kiện phát huy dân chủ, mà còn khích lệ sự sáng tạo, linh hoạt của địa phương; quyền tự quyết trong phạm vi pháp luật cho phép, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi địa phương, phát huy mọi tiềm năng của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trong phạm vi bài viết này, tác giả mong muốn chia sẻ sự ghi nhận quyền tự chủ của chính quyền địa phương qua một số quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; qua đó muốn nhấn mạnh rằng có căn cứ pháp lý cho phép chính quyền địa phương tự quyết; hãy quyết định sao cho hợp lòng dân; sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương để mỗi địa phương đều có sự bứt phá, phát triển nhanh hơn nữa, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển đất nước nhanh, mạnh, bền vững.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 xác định cụ thể quyền tự chủ của chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực nổi bật như sau:

1. Về ngân sách:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (Điều 19, 26, 33...) quy định: Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Với nhiệm vụ, quyền hạn này tạo ra thế chủ động cho địa phương rất nhiều, trong đó đặc biệt là việc phân bổ ngân sách địa phương, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương...; tùy thuộc vào tình hình cụ thể ở địa phương mà phân bổ, điều chỉnh... cho phù hợp nhất.

2. Về số lượng ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân:

Theo quy định, Hội đồng nhân dân thành lập các Ban; trong các Ban có Trưởng ban, Phó Trưởng ban (số lượng phó Trưởng ban được quy định rõ trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015) và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân do chính Hội đồng nhân dân quyết định; tùy thuộc điều kiện đặc biệt của địa phương mà quyết định số lượng các ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân.

3. Về tổng số các ủy viên của Ủy ban nhân dân

Theo quy định, cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Trước đây, theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng

nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, thì số lượng các thành viên của Ủy ban nhân dân mỗi cấp bị khống chế (cấp tỉnh từ 9 đến 11 thành viên, riêng Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh thì không qua 13; cấp huyện từ 7 đến 9 thành viên; cấp xã từ 3 đến 5 thành viên). Hiện nay, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 chỉ quy định số lượng các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân mỗi cấp, mỗi loại đơn vị hành chính; nhưng số lượng các Ủy viên không quy định cụ thể, chỉ quy định Ủy viên Ủy ban nhân dân (ví dụ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện) gồm các Ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh, cấp huyện), Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an. Hội đồng nhân dân có quyền quyết định số lượng các thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp; sau đó tiến hành bầu các chức danh này. Như vậy, pháp luật đã trao quyền tự quyết định cho chính quyền địa phương; để tùy thuộc vào tình hình cụ thể ở mỗi địa phương mà Hội đồng nhân dân địa phương quyết định vấn đề này. Chính quyền địa phương quyết định tổng số các Ủy viên của Ủy ban nhân dân sao cho đủ lực lượng để đảm trách công việc; sao cho hoạt động của chính quyền địa phương ngày càng có hiệu lực, hiệu quả cao hơn, mà bộ máy vẫn gọn nhẹ, tiết kiệm được kinh phí.

4. Về tổng biên chế ở địa phương:

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Hội đồng nhân dân có quyền quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, Hội đồng nhân dân còn có quyền quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên.

Thông qua những quy định kể trên đã khẳng định quyền quyết định quan trọng của chính quyền địa phương về việc tinh gọn bộ máy chính quyền ở địa phương; có sự tác động mạnh mẽ đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương; hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương.

5. Về việc đặt tên đường, phố, quảng trường ở địa phương:

Mặc dù chính quyền địa phương không có quyền quyết định cuối cùng về việc thành lập, giải thể, chia, nhập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính ở địa phương; mà quyền quyết định về những vấn đề này thuộc về Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội (Điều 129 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015), nhưng chính quyền địa phương xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính ở địa phương sau đó trình lên cấp trên (là Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội) để cấp trên quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định, chính quyền địa phương (cụ thể là Hội đồng nhân dân địa phương) có quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương. Hội đồng nhân dân lấy ý kiến của nhân dân địa phương để quyết định vấn đề này cho phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

Những vấn đề về chính quyền địa phương, trong đó có quyền tự chủ của chính quyền địa phương được quy định trước hết trong Hiến pháp năm 2013, sau đó là trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Ngoài những quy định thể hiện quyền tự chủ của chính quyền địa phương như đã trao đổi ở trên, Luật Tổ chức chính quyền địa phương còn cho phép trong trường hợp cần thiết, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Và đặc biệt gần đây nhất Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 54 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh - theo đó một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ được phân cấp cho TP. Hồ Chí Minh quyết định; trao quyền tự chủ, tự quyết nhiều hơn cho TP. Hồ Chí Minh, tạo động lực mới cho TP. Hồ Chí Minh phát triển, phát huy những tiềm năng, thế mạnh của Thành phố; góp phần tích cực vào công cuộc phát triển đất nước./.